

Bản án số: 1761/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/10/2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2. Bà Nguyễn Phát Lợi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường - Cán bộ Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0233/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 245/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Đ T, sinh năm 1977

HKTT: 588/2 B, phường X, quận B, Thành phố H

Tạm trú: B2/14/9 chung cư L, phường A, quận B, TP.H

Bị đơn: Ông Nguyễn T D, sinh năm 1976

Nơi cư trú: 588/2 Q, phường X, quận B, TP. H

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 Toà án nhân dân quận B thụ lý vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, do nguyên đơn bà Phan Thị Đ T khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn T D. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn bà Phan Thị Đ T trình bày:

Bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 28, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2003, quyển số 01, đăng ký ngày 24 tháng 4 năm 2003.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông Danh thường ghen tuông, ăn nhậu có nhiều lần đánh đập và hăm dọa vợ con dẫn đến bà luôn sống trong tâm trạng căng thẳng, mệt mỏi, lo sợ, đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay bà và ông Danh chính thức sống ly thân nhau mỗi người mỗi nơi không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc gì cho nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn T D để sớm ổn định cuộc sống lo cho các con.

Về con chung: Quá trình chung sống có hai con chung là Nguyễn Phan Bảo Lam, sinh ngày 06/8/2004 và Nguyễn T K, sinh ngày 01/4/2010. Kể từ ngày bà và ông Danh sống ly thân, trẻ Nguyễn T K do bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; trẻ Nguyễn Phan Bảo Lam do ông Nguyễn T D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Nguyễn T K, sinh ngày 01/4/2010; giao cho ông Nguyễn T D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Phan Bảo Lam, sinh ngày 06/8/2004; về cấp dưỡng nuôi con, bà và ông Danh tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Bà Phan Thị Đ T xác định tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2019 bị đơn ông Nguyễn T D trình bày: Ông Nguyễn T D thống nhất với lời trình bày của bà Phan Thị Đ T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 28, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2003, quyển số 01, đăng ký ngày 24 tháng 4 năm 2003.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, công việc áp lực dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, có những lời lẽ qua lại, nhiều lúc ông hay ăn nhậu, bà Thư thường đi sớm về khuya nên phát sinh ghen tuông, có lần nóng giận ông có vung tay hăm dọa bà Thư. Hiện nay ông và bà Thư đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, bà Thư về ở cùng em trai tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay bà Thư làm đơn yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì còn thương vợ, thương con

Về con chung: Quá trình chung sống có hai con chung là Nguyễn Phan Bảo Lam, sinh ngày 06/8/2004 và Nguyễn T K, sinh ngày 01/4/2010. Trường hợp Tòa án hòa giải không thành mà phải ly hôn với bà Thư thì ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Phan Bảo Lam, sinh ngày 06/8/2004; giao cho bà Phan Thị Đ T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Nguyễn T K, sinh ngày 01/4/2010, về cấp dưỡng nuôi con ông và bà Thư tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Ông Nguyễn T D xác định tự thỏa thuận giải quyết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác

Sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận B đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn T D, đã giao cho ông Nguyễn T D thông báo về việc thụ lý vụ án và ông đã lập bản tự khai tại Tòa, tuy nhiên các lần triệu tập tiếp theo đều vắng mặt không thông báo lý do. Tòa án nhân dân quận B tiếp tục tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc

giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn T D theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Nguyễn T D vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đến Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

- Việc thụ lý vụ án của Tòa là đúng thẩm quyền. Tòa án ra thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cũng như niêm yết các thủ tục xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật. Tòa án còn vi phạm thời hạn giao thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại các Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân thủ pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn, từ khi thụ lý đến phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, mặc dù Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị Đ T được ly hôn với ông Nguyễn T D; về con chung giao cho ông Nguyễn T D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Phan Bảo Lam, sinh ngày 06/8/2004; giao cho bà Phan Thị Đ T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Nguyễn T K, sinh ngày 01/4/2010; về cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản, nợ chung bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D xác định tự thỏa thuận giải quyết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí bà Phan Thị Đ T phải đóng án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn bà Phan Thị Đ T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bà là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn T D đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 28, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2003, quyển số 01, đăng ký ngày 24 tháng 4 năm 2003 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà Phan Thị Đ T trình bày lý do xin ly hôn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông Danh thường ghen tuông, ăn nhậu có nhiều lần đánh đập và hăm dọa vợ con dẫn đến bà luôn sống trong tâm trạng căng thẳng, mệt mỏi, lo sợ, đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay bà và ông Danh chính thức sống ly thân nhau mỗi người mỗi nơi không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc gì cho nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T D để sớm ổn định cuộc sống lo cho các con.

Ông Nguyễn T D cho rằng mâu thuẫn giữa ông và bà Thư là nhỏ, nên ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ, con.

Xét yêu cầu của bà Phan Thị Đ T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án, Tòa án đã nhiều lần lần phân tích, động viên bà Thư trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và nuôi dạy các con. Tòa án cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian, để ông bà có thời gian suy ngẫm, nhìn nhận lại cuộc sống hôn nhân của cả hai, đồng thời trong thời gian này cũng là điều kiện, cơ hội và cũng là thách thức về tình cảm với cả hai ông bà, để ông bà có thể tìm ra tiếng nói chung. Tuy nhiên bà Thư và ông Danh vẫn không thể tìm ra tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày một trầm trọng, vợ chồng có quá trình sống ly thân kéo dài từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, không quan tâm lo lắng chăm sóc gì cho nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận B đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn T D. Đã giao cho ông Nguyễn T D thông báo về việc thụ lý vụ án và ông đã lập bản tự khai tại Tòa, tuy nhiên các lần triệu tập tiếp theo đều vắng mặt không thông báo lý do. Tòa án nhân dân quận B tiếp tục tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn T D theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Nguyễn T D vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đến Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, do vậy ông Nguyễn T D tự tước bỏ quyền trình bày bảo vệ những yêu cầu của mình tại Tòa, thể hiện việc không còn quan tâm gì đến cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Phan Thị Đ T. Chính vì vậy các lần hòa giải đoàn tụ tại Tòa án là không thành.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân hạnh phúc vững bền cần phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, thiện chí của cả hai vợ chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên giữa bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D có nhiều bất hòa trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai ông bà cũng đã cố gắng hòa giải những bất hòa trong cuộc sống nhưng không

thành, dẫn đến việc ông bà sống ly thân kéo dài từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm lo lắng chăm sóc gì cho nhau, điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D là trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc bà Phan Thị Đ T xin ly hôn với ông Nguyễn T D là có cơ sở để chấp nhận, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Kể từ ngày bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D sống ly thân nhau trẻ Nguyễn T K, sinh ngày 01/4/2010 do bà Thư trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; trẻ Nguyễn Phan Bảo Lam, sinh ngày 06/8/2004 do ông Nguyễn T D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Các trẻ hiện đang ổn định về nơi cư trú, học hành, để không làm xáo trộn cuộc sống của các trẻ và phù hợp nguyện vọng của trẻ Nguyễn T K muốn được ở với bà Thư; nguyện vọng của trẻ Nguyễn Phan Bảo Lam muốn được ở với ông Danh và cũng phù hợp với ý kiến trình bày của bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D. Do đó việc bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là có cơ sở để chấp nhận, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con ông bà xác định tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản, nợ chung: Bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D xác định tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về án phí, Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phan Thị Đ T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 266, 271, 273, 278, 280, 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 59 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị Đ T;

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Phan Thị Đ T được ly hôn với ông Nguyễn T D.

- **Về con chung:** Giao cho bà Phan Thị Đ T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn T K, sinh ngày 01/4/2010; giao cho ông Nguyễn T D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phan Bảo Lam, sinh ngày 06/8/2004. Về cấp dưỡng nuôi con bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

Bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản và nợ chung:** Bà Phan Thị Đ T và ông Nguyễn T D xác định tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Đ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0020322 ngày 01/2/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, bà Phan Thị Đ T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận B (2);
- Chi cục THADS quận B;
- TAND TPHCM;
- Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thúc